

CÔNG TY CP NÔNG SẢN ĐẠI LỘC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP NÔNG SẢN ĐẠI LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI LOC AGRICULTURAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NONG SAN DAI LOC., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2300888975

3. Ngày thành lập: 03/06/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Trung tâm văn hóa, Thôn Đại Lộc, Xã Xuân Lai, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0968 502 209

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
2.	Trồng lúa	0111
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
5.	Trồng cây mía	0114
6.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
7.	Trồng cây hàng năm khác	0119
8.	Trồng cây ăn quả	0121
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
11.	Trồng cây lâu năm khác	0129
12.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
13.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
14.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
15.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
16.	Chăn nuôi lợn	0145
17.	Chăn nuôi gia cầm	0146(Chính)
18.	Chăn nuôi khác	0149
19.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
20.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
21.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
22.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

23.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
24.	Khai thác gỗ	0221
25.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
26.	Khai thác thủy sản biển	0311
27.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Sản xuất giống thủy sản	0323
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
31.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
32.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
34.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
35.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
36.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
37.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
39.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm cho thuê kho bãi và kinh doanh bất động sản)	5210
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
42.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển)	5229
44.	Bán buôn tổng hợp	4690
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
51.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
53.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

55.	Bán buôn gạo	4631
56.	Bán buôn thực phẩm	4632
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
65.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN SỸ LỢI	Số 10, ngõ 192, phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	30	013564848	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	30		
2	NGUYỄN HỮU THOẢN	Thôn 6, xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	5	182356752	
			Tổng số	75.000	750.000.000	5		

3	NGUYỄN SỸ QUANG	Thôn Đại Lộc, Xã Xuân Lai, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	30	125253862	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	30		
4	NGUYỄN HỮU THẮNG	Thôn Đại Lộc, Xã Xuân Lai, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	5	125147748	
			Tổng số	75.000	750.000.000	5		
5	NGUYỄN THỊ HOAN	Số 10 ngõ 192, phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	30	013564847	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	30		

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN SỸ LỢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 20/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013564848

Ngày cấp: 03/08/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 10, ngõ 192, phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 10, ngõ 192, phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh